

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật Dự án: “Xây dựng phần mềm thu thập thông tin và đánh giá bộ chỉ số chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông về công bố định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước; Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị quyết số 232/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng phần mềm thu thập thông tin và đánh giá bộ chỉ số chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số Quyết định số 4173/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng thẩm định các dự án: Ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý cơ sở hạ tầng bưu chính, viễn thông và truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh; Xây dựng phần mềm thu thập thông tin và đánh

giá bộ chỉ số chuyển đổi số tỉnh Thanh Hoá;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định dự án Xây dựng phần mềm thu thập thông tin và đánh giá bộ chỉ số chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa tại Báo cáo số 756/BC-HĐTD ngày 31/3/2023 và Tờ trình số 777/TTr-STTTT ngày 02/4/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc phê duyệt dự án Xây dựng phần mềm thu thập thông tin và đánh giá bộ chỉ số chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa (kèm theo hồ sơ dự án).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật dự án “Xây dựng phần mềm thu thập thông tin và đánh giá bộ chỉ số chuyển đổi số tỉnh Thanh Hoá” với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Xây dựng phần mềm thu thập thông tin và đánh giá bộ chỉ số chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa.

2. Nhóm dự án: Nhóm C.

3. Chủ đầu tư: Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hóa.

4. Đơn vị tư vấn lập Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật: Công ty Cổ phần Công nghệ ICT Việt Nam (Địa chỉ: Số nhà 6, đường Nguyễn Văn Giáp, tổ 15, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội).

5. Mục tiêu đầu tư:

Hình thành một hệ thống phần mềm thu thập thông tin, cơ sở dữ liệu đánh giá mức độ chuyển đổi số của tỉnh Thanh Hóa nhằm theo dõi, đánh giá, xếp hạng một cách thực chất, khách quan và công bằng; góp phần nâng cao hiệu quả chất lượng tham mưu xây dựng chiến lược chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

6. Quy mô, nội dung đầu tư:

6.1. Quy mô đầu tư:

- Xây dựng phần mềm thu thập thông tin và đánh giá bộ chỉ số chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa.

- Đào tạo chuyển giao công nghệ và hướng dẫn sử dụng phần mềm.

6.2. Nội dung đầu tư:

Thực hiện Xây dựng phần mềm thu thập thông tin và đánh giá bộ chỉ số chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa với cấu trúc đảm bảo theo Bộ chỉ số chuyển đổi số của tỉnh Thanh Hóa dành cho cả 03 cấp hành chính bao gồm: DTI¹ cấp Sở;

¹ “Bộ chỉ số chuyển đổi số” tiếng Anh là: “Digital Transformation Index”

DTI cấp huyện và DTI cấp xã và đào tạo chuyển giao công nghệ; hướng dẫn sử dụng phần mềm.

(Nội dung chi tiết theo Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật dự án).

7. Địa điểm đầu tư:

Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hóa - Tầng 6, tầng 7 Tòa nhà Trung tâm Công nghệ thông tin tỉnh Thanh Hóa, Đại lộ Nam Sông Mã - Phố Ái Sơn 2 - Phường Đông Hải - Thành phố Thanh Hóa.

8. Thiết kế chi tiết:

8.1. Giải pháp thiết kế cần tuân thủ: Thông số kỹ thuật áp dụng Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

Thiết kế chi tiết dự án: theo Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế chi tiết số 606/BC-STTTT ngày 16/3/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông và hồ sơ chi tiết dự án kèm theo Tờ trình số 777/TTr-STTTT ngày 02/4/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông; Báo cáo thẩm định số 756/BC-HĐTĐ ngày 31/3/2023 của Hội đồng thẩm định dự án.

8.2. Giải pháp thiết kế cơ sở cho phép chủ đầu tư được thay đổi trong bước thiết kế tiếp theo: Không có.

9. Tổng mức đầu tư: 2.645.955.000 đồng *(Hai tỷ, sáu trăm bốn mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng chẵn).*

Trong đó:

+ Chi phí thiết bị:	2.260.750.000 đồng.
+ Chi phí quản lý dự án:	41.936.913 đồng.
+ Chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng CNTT:	107.239.581 đồng.
+ Chi phí khác:	130.190.719 đồng.
+ Chi phí dự phòng:	105.838.217 đồng.

(có Phụ lục chi tiết kèm theo).

10. Nguồn vốn đầu tư: Kinh phí công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử và chuyển đổi số trong dự toán ngân sách tỉnh hàng năm.

11. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

12. Thời gian thực hiện: Năm 2022-2023.

Điều 2. Căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này:

1. Hội đồng thẩm định, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về nội dung hồ sơ thẩm định, trình phê duyệt dự án.

2. Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thanh Hóa (chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định có liên quan.

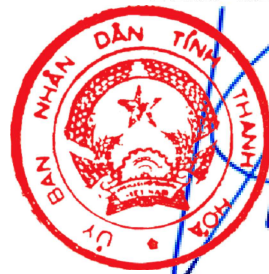
3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm chủ động giải quyết các công việc liên quan đến ngành; hướng dẫn chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện; đồng thời kiểm tra việc triển khai thực hiện của chủ đầu tư, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Thành viên Hội đồng thẩm định (theo QĐ số 4173/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh);
- Lưu: VT, CNTT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Xuân Liêm

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án: “Xây dựng phần mềm thu thập thông tin và đánh giá bộ chỉ số chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa”
 (Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	GHI CHÚ
I	Chi phí xây lắp	Gxl		-	-	-	
II	Chi phí thiết bị	Gtb		2.260.750.000	-	2.260.750.000	
1	Hạng mục hạ tầng kỹ thuật CNTT	Ghtkt		-	-	-	
2	Hạng mục phần mềm nội bộ, cơ sở dữ liệu	Gpm		2.260.750.000	-	2.260.750.000	
2.1	Phần mềm thu thập thông tin và đánh giá bộ chỉ số chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa	Gpm1	Lập dự toán	2.247.010.000		2.247.010.000	Hướng dẫn lập dự toán phần mềm nội bộ theo công văn số 2589/BTTTT-UDCNTT của Bộ TTTT
2.2	Chi phí đào tạo	Gpm2	Lập dự toán	13.740.000		13.740.000	Thông tư 40/2017/TT-BTC; Thông tư 36/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính
III	Chi phí quản lý dự án	Gqlda	1,855%x Gpm	41.936.913	-	41.936.913	Theo Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT của Bộ TTTT
IV	Chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng CNTT	Gtv		97.490.528	9.749.053	107.239.581	
1	Chi phí Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	Gtv1	3,640% * Gtb	82.291.300	8.229.130	90.520.430	Theo Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT của Bộ TTTT
2	Chi phí thẩm tra Báo cáo Kinh tế kỹ thuật	Gtv2	70%*Gtv31 + 70%*Gtv32 + 40%*Gtv33	3.987.963	398.796	4.386.759	Theo Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT của Bộ TTTT
2.1	Thẩm tra Thiết kế	Gtv21	0,095%*Gtb	2.147.713	214.771	2.362.484	Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông
2.2	Thẩm tra dự toán	Gtv22	0,085% *	1.921.638	192.164	2.113.801	Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	GHI CHÚ
			Gtb				của Bộ Thông tin và Truyền thông
2.3	Thẩm tra tính hiệu quả và khả thi dự án	Gtv23	0,126% * Gtb	2.848.545	284.855	3.133.400	Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông
3	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu		0,405%*Gpm	9.156.038	915.604	10.071.642	Theo Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT của Bộ TTTT
4	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu		0,05% x Gtb	1.027.614	102.761	1.130.375	Theo Nghị định 63/2014/NĐ-CP của Chính phủ
5	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu		0,05% x Gtb	1.027.614	102.761	1.130.375	Theo Nghị định 63/2014/NĐ-CP của Chính phủ
V	Chi phí khác	Gk		130.160.719	30.000	130.190.719	
1	Chi phí kiểm thử phần mềm nội bộ		Lập theo văn bản 3787/BTTTT-THH	119.223.000	-	119.223.000	-Văn bản 3787/BTTTT-THH - Dịch vụ PM không chịu thuế theo TT 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của BTC
2	Phí thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành		0,57%*70%* Giá trị đề nghị quyết toán	10.134.987	-	10.134.987	Nghị định 99/2021/NĐ-CP. Tối thiểu 500.000 đồng (Không VAT)
3	Phí thẩm định dự án		0,019%*TMĐ T	502.732		502.732	Theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính
4	Chi phí đăng tải thông tin đấu thầu trên hệ thống			300.000	30.000	330.000	Thông tư 06/2021/TT-BKHĐT ngày 30/9/2021
VI	Chi phí dự phòng	Gdp	4% * (Gxl+ Gtb+Gqlda+ Gtv+Gk)	105.838.217		105.838.217	Theo Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT của Bộ TTTT. Tối đa 5% với Báo cáo KTKT
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V+VI)					2.645.955.430	
	LÀM TRÒN					2.645.955.000	

(Bằng chữ: Hai tỷ, sáu trăm bốn mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi lăm ngàn đồng chẵn).